TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG** Số: 121/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** Bắc giang, ngày 30 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chi

Bà Nguyễn Thị Vượng

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 365/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1972

HKTT: Số A, đường QT, phường TrPh, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Số nhà 142, đường Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn Tiến – Văn phòng luật sư Bách Gia Tín – Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang

+ Bị đơn: Anh Phạm Thái B, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số A, đường QT, phường TrPh, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số H, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Hoàng Giang - Giám đốc A

Ông Giáp Quang Khải - Cán bộ pháp chế A

Địa chỉ: Số AS, đường N, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ các điều 147, 157; 165; 212, 213, 235, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 27; 28; 29; 33; 37; 55, 57; 58, 59; 62; 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 318; 321, 322; 323; 357; 429; 463; 466, điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã lập biên bản tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản ghi ngày 29/7/2022 và có văn bản đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự trong bản án, quyết định của Tòa án. Tại phiên toà các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ tranh chấp, việc thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Phạm Thái B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Thái B thống nhất thỏa thuận, chị Phạm Thị L có quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Gia L, sinh ngày 13/3/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản tại biên bản lập ngày 29/7/2022 giữa các đương sự như sau:

- *Tài sản chung của anh Phạm Thái B, chị Phạm Thị L gồm có:*

+ Thửa đất 117, tờ bản đồ số 12, có diện tích 126,5m^2 tại ố nhà A, đường QT, tổ dân phố QT, phường TrPh, thành phố Bắc Giang. Trên đất có một nhà cấp 3 loại 1, bốn tầng, một tum, diện tích xây dựng là 123,6m^2, diện tích sàn là 401,9m^2 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 959240, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CS 01462 - Q9 -T45 ngày 03/9/2019

cấp cho ông Phạm Thái B, bà Phạm Thị L. Trị giá đất là 15.812.500.000 đồng; Trị giá nhà ở, công trình xây dựng gắn liền trên đất là: 887.837.300 đồng.

+ Tài sản khác gồm có: 01 bức tượng di lặc bằng gỗ hương cao 1,75m, đôn cao 30cm trị giá 30.000.000 đồng; 01 bức tượng di lặc bằng gỗ hương cao 1,45m, đôn cao 38cm, trị giá 30.000.000 đồng; 02 bộ bàn ghế gỗ hương (loại bàn ăn) gồm 2 bàn và 04 ghế dài, trị giá 15.000.000 đồng/01 bộ x 2 = 30.000.000 đồng; 01 bộ bàn gỗ trắc hình gốc cây(gồm 01 bàn và 6 ghế), trị giá 10.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ gụ gồm có 01 bàn, 01 ghế dài, 04 ghế vuông, 02 đôn và 5 để chân, trị giá là 468.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của anh B và chị L là: 17.268.337.300 đồng (Mười bảy tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm đồng).

- Về nghĩa vụ chung: Anh B và chị L có khoản nợ chung tại Ngân hàng N theo hợp đồng hợp đồng tín dụng 2501LAV 202001157 ngày 01/9/2020 và hợp đồng tín dụng số 2501 LAV 20210116 ngày 31/8/2021. Tổng số tiền nợ gốc là 7.500.000.000 đồng (bảy tỷ năm trăm triệu đồng). Tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến hết ngày 29/7/2022 là 438.342.328 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 29/7/2022 là: 7.938.342.328 đồng (bảy tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm hai tám đồng).

- Phần thỏa thuận phân chia tài sản chung, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản cụ thể như sau:

+ Anh Phạm Thái B được nhận quyền sử dụng, sở hữu tài sản là thửa đất số đất 117, tờ bản đồ số 12, có diện tích 126,5m^2 cùng một ngôi nhà cấp 3, loại 1, bốn tầng một tum, diện tích xây dựng là 123,6m^2, diện tích sàn là 401,9m^2 xây dựng gắn liền trên thửa đất tại địa chỉ ố nhà A, đường QT, tổ dân phố QT, phường TrPh, thành phố Bắc Giang. Tài sản trên đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền đất số CS 959240, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01462- Q9-T45, cấp ngày 03/9/2019 và được quyền sở hữu các tài sản gồm: 02 bộ bàn ghế ăn bằng gỗ hương (gồm 02 bàn và 04 ghế dài), trị giá 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); 01 bộ bàn ghế gỗ trắc loại nhỏ hình gốc cây (gồm 01 bàn và 6 ghế), trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); 02 bức tượng di lặc bằng gỗ hương, trị giá 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Trị giá đất, nhà và các tài sản khác, anh B được quyền sở hữu, sử dụng là: 16.800.337.300 đồng (mười sáu tỷ, tám trăm triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn, ba trăm đồng).

+ Anh Phạm Thái B có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 7.500.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh đến hết ngày 29/7/2022 là 438.342.328 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 29/7/2022 là: 7.938.342.328 đồng (bảy tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, ba trăm hai tám đồng).

Kể từ ngày 30/7/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ đối với Ngân hàng N, anh B tiếp tục phải chịu lãi trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 2501 LAV 202001157 ngày 01/9/2020 và hợp đồng tín dụng số 2501 LAV 20210116 ngày 31/8/2021đã ký kết.

Thời hạn thanh toán số tiền trả Ngân hàng N như sau:

+ Ngày 15/9/2022 trả 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/11/2022 trả 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/01/2023 trả 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/03/2023 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/5/2023 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/7/2023 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/9/2023 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/11/2023 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/01/2024 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/3/2024 trả 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) gốc.

+ Ngày 15/5/2024 trả 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) gốc, tiền lãi phát sinh đến ngày 29/7/2022 là 438.342.328 đồng. Tổng cộng 838.342.328 đồng và trả toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2022 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 2501LAV 202001157 ngày 01/9/2020 và hợp đồng tín dụng số 2501 LAV 20210116 ngày 31/8/2021.

+ Anh Phạm Thái B có nghĩa vụ trích chia chênh lệch tài sản cho chị Phạm Thị L số tiền là 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn thanh toán cho chị L là: Ngày 30/8/2022, thanh toán cho chị L 2.500.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm triệu đồng); Ngày 01/03/2023, thanh toán trả chị L số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

- Chị Phạm Thị L được giao quyền sở hữu tài sản chung là 01 bộ bàn ghế gỗ gụ (gồm có 01 bàn; 01 ghế dài; 04 ghế vuông, 02 đôn và 5 để chân), trị giá là 468.000.000 đồng và được nhận trích chia chênh lệch về tài sản do anh Phạm Thái B trả bằng tiền là 3.500.000.000 đồng (ba tỷ năm trăm triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chị L được hưởng là: 3.968.000.000 đồng (ba tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu đồng).

- Anh Phạm Thái B được hưởng phần giá trị tài sản là: 5.361.994.972 đồng. (Năm tỷ, ba trăm sáu mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm bảy hai đồng).

Trường hợp anh Phạm Thái B vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng N và chị Phạm Thị L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành đối với toàn bộ số tiền phải thi hành.

Trường hợp anh Phạm Thái B không thanh toán trả Ngân hàng theo thỏa thuận, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất tại thửa đất số đất 117, tờ bản đồ số 12, có diện tích 126,5m^2 cùng ngôi nhà cấp 3, loại 1, bốn tầng, một tum xây dựng gắn liền trên đất tại địa chỉ số 17, đường Quang Trung, tổ dân phố Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền đất số CS 959240, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 01462 Q9-T45 ngày 03/9/2019 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 19152091/HĐTC ngày 05/9/2019 đã được ký kết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự. Đối với Ngân hàng thì phải chịu theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng 2501LAV 202001157 ngày 01/9/2020 và hợp đồng tín dụng số 2501 LAV 20210116 ngày 31/8/2021.

2.3. Về chi phí định giá, thẩm định tài sản là 47.500.000 đồng, do chị L đã nộp tạm ứng. Các bên thống nhất chị L chịu 23.750.000 đồng, anh B chịu 23.750.000 đồng. Anh B phải hoàn trả chị L số tiền 23.750.000 đồng chị L đã nộp.

2. 4. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận:

+ Chị Phạm Thị L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 28.984.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ và 55.680.000 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng 84.964.000 (tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng. Số tiền án phí chị L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.300.000 (năm mươi sáu triệu ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001179 ngày 04/11/2021 và số tiền 15.400.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001227 ngày 29/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Chị L phải nộp tiếp 13.264.000 (mười ba triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng án phí.

+ Anh B chịu 28.984.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ; 56.681.000 đồng án phí chia tài sản. Tổng cộng 85.665.000 (tám mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

+ Ngân hàng N không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.822.000 (năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn) đồng tại biên lai thu số 0001297 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng

N*ơi nhận:*
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND Tp Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang
- Các đương sự;
- UBND P. TrPh;
- Lưu.